

Bài 16

PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HOÀ RA ĐỜI

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Hiểu rõ :

- Đường lối cách mạng đúng đắn, sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Công cuộc chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa của Đảng.
- Diễn biến Tổng khởi nghĩa tháng Tám.
- Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

2. Về kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng xác định kiến thức cơ bản, sự kiện cơ bản.
- Rèn luyện kĩ năng phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử.

3. Về thái độ

- Bồi dưỡng niềm tin vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng.
- Bồi dưỡng tinh thần hăng hái, nhiệt tình cách mạng, không quản gian khó, hi sinh vì sự nghiệp cách mạng ; noi gương tinh thần Cách mạng tháng Tám của ông cha, trân trọng giữ gìn và biết phát huy thành quả Cách mạng tháng Tám.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

HS cần nhận thức được những vấn đề sau :

- Tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam trong những năm 1939 – 1945 có nhiều thay đổi lớn so với những năm 1936 – 1939. Lý do chiến tranh, thực dân Pháp trở lại áp dụng chính sách như trước đây : bóp nghẹt quyền tự do

dân chủ, đàn áp phong trào cách mạng, bóc lột nhân dân thậm tệ. Đời sống của các tầng lớp nhân dân điêu đứng.

Phát xít Nhật vào Đông Dương. Nhân dân ta chịu cảnh "một cổ hai tròng". Mọi mặt của xã hội trở nên tồi tệ hơn. Hậu quả là gần 2 triệu người bị chết đói. Các tầng lớp nhân dân không thể chịu đựng được cuộc sống như vậy nữa, sẵn sàng đứng lên lật đổ ách thống trị của thực dân, phát xít và phong kiến.

– Trong bối cảnh đó, Đảng đã chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Sự chuyển hướng đấu tranh của Đảng được thể hiện ở Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11 – 1939. Nghị quyết này chứng tỏ sự nhạy bén về chính trị của Đảng nên có những quyết sách đúng đắn, kịp thời.

Tình hình tiếp tục có sự thay đổi, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1940 để điều chỉnh một số điểm cho phù hợp.

Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941) gắn liền với sự kiện Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 hoàn chỉnh chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu được đề ra từ Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1939.

– Công cuộc chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền từ sau Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8. Sự chuẩn bị bao gồm ba lĩnh vực cơ bản : xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng.

– Khởi nghĩa từng phần là một trong những sáng tạo của Đảng khi tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền. Điểm mấu chốt ở đây là Đảng xác định đúng thời cơ khởi nghĩa. Ngày 9 – 3 – 1945, Nhật đảo chính Pháp. Một kẻ thù của cách mạng bị loại bỏ. Kẻ thù còn lại là phát xít Nhật ở Đông Dương đã hoang mang vì quân đội Nhật bị thất bại liên tiếp ở mặt trận châu Á – Thái Bình Dương. Nhưng đây mới là thời cơ cho khởi nghĩa từng phần (so sánh với hoàn cảnh lúc nổ ra khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kì, binh biến Đô Lương).

– Vai trò của Liên Xô trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít. Vai trò của Liên Xô đối với cách mạng Việt Nam được biểu hiện ở hai khía cạnh :

+ Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô đối với bọn phát xít thể hiện tinh ưu việt và sức mạnh của chủ nghĩa xã hội. Điều đó đã cổ vũ nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng của mình.

+ Hồng quân Liên Xô tiêu diệt đội quân Quan Đông của Nhật Bản ở Đông Bắc Trung Quốc, là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới việc Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện, tạo thời cơ cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám ở Việt Nam. Qua đó, chống lại quan điểm của giới sử học phương Tây cho rằng Nhật Bản đầu hàng là do Mĩ đã ném hai quả bom nguyên tử xuống đất Nhật.

– Tại Hội nghị toàn quốc của Đảng (8 – 1945), cùng với việc quan trọng nhất là quyết định tiến hành tổng khởi nghĩa, Đảng chuẩn bị cho việc thành lập một nhà nước kiểu mới (chính sách đối nội, đối ngoại), triệu tập Đại hội Quốc dân ở Tân Trào để thông qua 10 chính sách của Việt Minh, cử ra Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

– Về sự kiện này, có một vài thay đổi về ngày, tháng sẽ được nói rõ hơn ở phần sau.

2. Về phương pháp

– Bài giảng chủ yếu dùng phương pháp thuyết trình, kết hợp với phương pháp phân tích, khái quát hoá.

– Trong khi giảng dạy, GV nên kết hợp gợi mở HS bằng các câu hỏi phụ.

– Kết hợp sử dụng lược đồ để tường thuật diễn biến các cuộc khởi nghĩa cùng các kênh hình khác, giúp HS nhận thức vấn đề lịch sử sinh động hơn.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

– Lược đồ khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và binh biến Đô Lương.

– Các tài liệu như :

+ Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng – Toàn tập*, Tập 6 và 7, NXB Chính trị quốc gia, H., 2000.

+ Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Tập 1 (1919 – 1945), NXB Chính trị quốc gia, H., 2002.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Mở bài

GV có thể mở bài theo hai cách :

– Cách thứ nhất : Khái quát vài nét về tình hình nước ta trong những năm 1936 – 1939 rồi dẫn dắt vào bài giảng.

– Cách thứ hai : Trình bày khái quát những nội dung sẽ học trong bài.

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Tình hình Việt Nam trong những năm 1939 – 1945

1. Tình hình chính trị

GV lưu ý HS ghi nhớ được các mốc sau :

– Tháng 9 – 1939, Pháp tuyên chiến với Đức. Tháng 6 – 1940, Pháp đầu hàng Đức. Sự thay đổi tình hình nước Pháp đã tác động rất lớn đến chính sách của chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương.

– Vì Pháp đã thất bại, ở khu vực châu Á, phát xít Nhật gây sức ép với chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương. Tháng 9 – 1940, quân Nhật đã vượt qua biên giới Việt – Trung vào Đông Dương. Trong số các thuộc địa của các nước phương Tây ở châu Á, Nhật Bản chiếm được chỉ duy nhất có Đông Dương và phát xít Nhật đã giữ nguyên hệ thống chính quyền của thực dân Pháp. GV có thể đặt câu hỏi : Tại sao như vậy ? (vì Pháp đã hàng Đức nên không thể chi viện cho thuộc địa được nữa ; phát xít Nhật không đủ lực lượng, quân số rải khắp Đông Dương, nên chúng dùng bộ máy sẵn có của Pháp từ Trung ương đến địa phương để vơ vét, bóc lột của cải ở Đông Dương và giữ an ninh địa bàn cho quân Nhật).

– Nhưng mâu thuẫn giữa Pháp và Nhật vẫn rất sâu sắc, không thể điều hoà.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1940 nhận định : "... Dem quân sang Đông Dương, Nhật muốn nhân cơ hội Pháp bại trận, nhận trước lấy một bộ phận thuộc địa của Pháp, chiếm lấy những nguồn nguyên liệu béo bở ở Đông Dương để cung cấp cho chiến tranh, lấy Đông Dương làm căn cứ quân sự đánh Hoa Nam và triệt đường tiếp tế quân nhu khí giới cho Tàu ở Miến Điện, hòng mau ra khỏi vũng bùn lầy Trung Quốc, dùng Đông Dương làm cái cầu tiến bước xuống miền Nam Dương, Á châu".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng – Toàn tập*, Tập 7
(1940 – 1945), NXB Chính trị quốc gia, H., 2000, tr. 48 – 49)

– Bước sang năm 1945, các nước phát xít đứng trước nguy cơ thất bại hoàn toàn. Trước tình hình đó, Nhật đảo chính Pháp vào ngày 9 – 3 – 1945, độc chiếm Đông Dương.

2. Tình hình kinh tế – xã hội

GV giảng bài theo nội dung trong SGK ; có thể tham khảo một số đoạn trích sau :

– Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương tháng 11 – 1939 vạch rõ :
"Giờ đây chính sách kinh tế chiến tranh của đế quốc Pháp lại sẽ gây nên những ảnh hưởng khốc liệt làm cho cuộc khủng hoảng hết sức nặng nề và xô nền kinh tế Đông Dương vào cảnh điêu tàn đổ nát".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng – Toàn tập*,
Tập 6 (1936 – 1939), Sđd, tr. 521)

– Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941) viết :
"... Đông Dương ta vừa làm nô lệ cho giặc Pháp lại làm trâu ngựa cho giặc Nhật nữa. Thế là từ nay dân Đông Dương phải một cổ hai tròng, cũng vì cái chính sách hèn nhát, tàn bạo của chúng gây nên".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng – Toàn tập*,
Tập 7, Sđd, tr. 106)

Mục II – Phong trào giải phóng dân tộc từ tháng 9 – 1939 đến tháng 3 – 1945

1. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 – 1939

– Đường lối, chủ trương của Đảng trong giai đoạn 1939 – 1945 được thông qua tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương tháng 11 – 1939, Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1940 và Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941). Nếu Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1939 là sự mở đầu thì Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941) đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

– Hiện nay trong giới sử học tồn tại hai ý kiến. Ý kiến thứ nhất cho rằng sự chuyển hướng đấu tranh của Đảng trong những năm 1939 – 1945 là *sự chuyển hướng chiến lược*. Ý kiến thứ hai cho rằng đó là *sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược*. Quy định của SGK là chỉ viết những sự kiện, nhận định đã được xác định rõ ràng, ý kiến thống nhất. Vì vậy, trong SGK đã thống nhất xử lí như đề cập ở trên.

– GV có thể tham khảo một vài đoạn trích Nghị quyết của các hội nghị Trung ương tháng 11 – 1939 và lần thứ 8 (5 – 1941).

+ Nghị quyết Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1939 viết : "Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để giành lấy giải phóng độc lập..."

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng – Toàn tập*,
Tập 6, Sđd, tr. 536)

+ Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (5 – 1941) : "Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề : phản đế và điền địa nữa, mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp – "dân tộc giải phóng", vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng – Toàn tập*,
Tập 7, Sdd, tr. 119)

"Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng – Toàn tập*,
Tập 7, Sdd, tr. 113)

2. Những cuộc đấu tranh mở đầu thời kì mới

GV giúp cho HS hiểu rõ những nét riêng của từng cuộc đấu tranh.

a) *Khởi nghĩa Bắc Sơn (27 – 9 – 1940)* do tổ chức Đảng địa phương phát động, lực lượng tham gia là nhân dân Bắc Sơn. Khởi nghĩa nổ ra trong hoàn cảnh thuận lợi : chính quyền thực dân ở địa phương tan rã, quân Nhật mới tới chưa nắm được tình hình Bắc Sơn. Tuy nhiên, cuộc khởi nghĩa nổ ra ở một địa bàn nhỏ hẹp, sau đó Nhật lại câu kết với thực dân Pháp nên cuộc khởi nghĩa mau chóng thất bại.

b) *Khởi nghĩa Nam Kỳ (23 – 11 – 1940)* do Xứ uỷ Nam Kỳ chủ trương. Địa bàn nổ ra khởi nghĩa rộng, từ miền Đông đến miền Tây Nam Bộ. Lực lượng tham gia là các tầng lớp nhân dân Nam Bộ.

Người thay mặt Xứ uỷ Nam Kỳ ra dự Hội nghị Trung ương tháng 11 – 1940 là Phan Đăng Lưu đã báo cáo với Trung ương về chủ trương khởi nghĩa. Khi ông mang chỉ thị hoãn cuộc khởi nghĩa của Trung ương về đến Sài Gòn thì bị địch bắt.

Cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ nổ ra vào đêm 22 rạng sáng 23 – 11 – 1940. Nhưng từ trước đến nay vẫn lấy ngày 23 – 11 là ngày kỉ niệm cuộc khởi nghĩa, nên SGK cũng lấy ngày này.

c) Binh biến Đô Lương (13 - 1 - 1941)

Lãnh đạo là một sĩ quan trong quân đội thực dân Pháp : Đội Cung tức Nguyễn Văn Cung. Đội Cung được điều từ Vinh lên làm quyền trưởng đồn lính Khố xanh Chợ Rạng (Thanh Chương). Chỉ năm ngày sau khi có quyết định và chỉ một ngày sau khi chính thức nhận nhiệm vụ làm quyền trưởng đồn lính Khố xanh Chợ Rạng, Đội Cung cùng một số lính Khố xanh tiến hành chiếm đồn Đô Lương (huyện Đô Lương).

- Sau khi trình bày ba cuộc đấu tranh này, GV hướng dẫn HS rút ra nhận xét chung để làm rõ thời kì mới của phong trào cách mạng Việt Nam đã bắt đầu :

+ Về lãnh đạo : do tổ chức Đảng (cấp huyện, cấp Xứ uỷ) và lực lượng ngoài Đảng ; thành phần tham gia : các tầng lớp nhân dân (chủ yếu là nông dân) và cả binh lính trong quân đội Pháp ; địa bàn nổ ra khởi nghĩa ở cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Điều đó chứng tỏ các tầng lớp nhân dân cả nước sẵn sàng nổi dậy đấu tranh giành độc lập.

+ Các cuộc đấu tranh này đều thất bại do thời cơ chưa chín muồi trong cả nước. Nó chỉ xuất hiện ở địa phương. Khi đó kẻ thù vẫn còn mạnh, chúng đã tập trung lực lượng đàn áp.

+ Tuy vậy, ba cuộc đấu tranh này đã báo hiệu một thời kì mới của cách mạng Việt Nam, thời kì đấu tranh vũ trang trong toàn quốc để giành chính quyền.

3. Nguyễn Ái Quốc về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (5 - 1941)

- Sự kiện Nguyễn Ái Quốc về nước ngày 28 - 1 - 1941 có ý nghĩa rất quan trọng đối với cách mạng Việt Nam. Người đã xa đất nước trọn 30 năm. GV có thể nêu câu hỏi để HS suy nghĩ, trả lời : Tại sao ở thời điểm cuối năm 1938, Người quyết định trở về nước ? Có rất nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản nhất là thời cơ giành chính quyền, cơ hội "ngàn năm có một" đã đến gần.

- Cần lưu ý về vai trò của Nguyễn Ái Quốc và Ban Chấp hành Trung ương trong việc soạn thảo đường lối mới : Khi Nguyễn Ái Quốc còn ở nước ngoài, Ban Chấp hành Trung ương đã họp hai hội nghị, kịp thời đề ra chủ trương trong thời kì mới - đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Khi Nguyễn Ái Quốc về nước, Người đã chủ trì Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương để hoàn chỉnh chủ trương được đề ra từ Hội nghị Trung ương tháng 11 - 1939. Vai trò của Nguyễn Ái Quốc còn thể hiện rõ qua sáng kiến của Người trong việc thành lập Mặt trận Việt Minh.

4. Chuẩn bị tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền

– Thời gian chuẩn bị khởi nghĩa : Từ ngay sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 8 đến trước ngày Tổng khởi nghĩa ; chia làm hai giai đoạn :

Từ tháng 5 – 1941 đến tháng 2 – 1943 là giai đoạn vừa xây dựng lực lượng (lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang), xây dựng căn cứ địa vừa tổ chức chiến đấu để bảo vệ căn cứ địa.

Từ Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương (họp từ ngày 25 đến 28 – 2 – 1943) đến giữa tháng 8 – 1945 là giai đoạn Đảng ta *gấp rút chuẩn bị khởi nghĩa* do thất bại của phe phát xít.

Hội nghị nhận định : "Năm 1943 này là năm phe dân chủ sẽ đánh phe phát xít một cách quyết liệt hơn để sửa soạn điều kiện cho bước thắng lợi cuối cùng". Liên Xô sẽ "tổng phản công đui hấn quân Trục ra khỏi nước. Phe dân chủ sẽ thừa thắng phản công quân Trục bên Viễn Đông". "Thắng lợi của Liên Xô, sự tan rã của phát xít quốc tế và sự cùng khổ của nhân dân các nước phát xít sẽ thúc đẩy cho cách mạng bùng nổ tại nhiều nước".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng – Toàn tập*,
Tập 7, Sdd, tr. 279)

– Có thể mở rộng kiến thức về vai trò của Hồ Chí Minh trong xây dựng lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng.

Mục III – Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền

1. Khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8 – 1945)

– Khai thác sâu sự kiện Nhật đảo chính Pháp ngày 9 – 3 – 1945. Điều đó chứng tỏ kẻ thù của cách mạng đã thay đổi, giờ chỉ còn một kẻ thù là phát xít Nhật. Tuy nhiên, phát xít Nhật cũng không còn mạnh như lúc chúng mới vào Đông Dương (9 – 1940). Quân Nhật bị thua liên tiếp trên Mặt trận châu Á – Thái Bình Dương.

+ Về nguyên nhân cuộc đảo chính, ngoài nội dung trong SGK, GV có thể tham khảo tư liệu sau :

"Cuộc chính biến ngày 9 – 3 – 1945 có ba nguyên nhân dưới đây :

1 – Hai con chó để quốc không thể ăn chung một miếng mồi béo như Đông Dương.

2 – Tàu, Mĩ sắp đánh vào Đông Dương. Nhật phải hạ Pháp để trừ cái hoạ bị Pháp đánh sau lưng khi quân Đồng minh đổ bộ.

3 – Sống chết Nhật phải giữ lấy cái cầu trên con đường nối liền các thuộc địa miền Nam Nam Dương với Nhật ; vì sau khi Philippin bị Mĩ chiếm, đường thủy của Nhật đã bị cắt đứt".

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng – Toàn tập*,
Tập 7, Sdd, tr. 364 – 365)

+ Cuộc đảo chính đã gây ra khủng hoảng chính trị sâu sắc ở Đông Dương, GV có thể cung cấp thêm tư liệu sau .:

- "1 – Hai quân cướp nước cắn xé nhau chí tử.
- 2 – Chính quyền Pháp tan rã.
- 3 – Chính quyền Nhật chưa ổn định.
- 4 – Các tầng lớp đứng giữa hoang mang.
- 5 – Quần chúng cách mạng muốn hành động".

(Đảng Cộng sản Việt Nam,
Văn kiện Đảng – Toàn tập, Tập 7, Sdd, tr. 365)

Tuy nhiên "những điều kiện khởi nghĩa chưa thực chín muồi" cho tổng khởi nghĩa, thời cơ chỉ có thể xuất hiện ở từng địa phương cụ thể. Đảng chủ trương thay đổi chiến thuật :

"Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Cao trào ấy có thể bao gồm từ hình thức bất hợp tác, bãi công, bãi thị, phá phách, cho đến những hình thức cao như biểu tình thị uy võ trang, du kích".

(Đảng Cộng sản Việt Nam,
Văn kiện Đảng – Toàn tập, Tập 7, Sdd, tr. 367)

– Cần giúp cho HS nhận thức đầy đủ tầm quan trọng về chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta". Chỉ thị này đã soi sáng cho các đảng bộ cách thức hoạt động trong thời kì từ sau khi Nhật đảo chính Pháp đến trước cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945. Đến giữa tháng Tám năm 1945, thời cơ Tổng khởi nghĩa đã đến, Đảng phát lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Nhưng do giao thông, thông tin liên lạc khó khăn, lệnh Tổng khởi nghĩa không đến được tất cả các địa phương trong cả nước. Nhiều đảng bộ địa phương lúc đó đã vận dụng tinh thần chỉ thị "Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" vào tình hình địa phương nên đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa. Vì vậy, có địa phương đã tiến hành khởi nghĩa trước khi lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố.

2. Sự chuẩn bị cuối cùng trước ngày Tổng khởi nghĩa

Tại Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ (từ ngày 15 đến ngày 20 – 4 – 1945), công tác chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang được đẩy mạnh hơn nữa trong giai đoạn

cối cùng : thống nhất lực lượng vũ trang, thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng, xây dựng các chiến khu ; Khu giải phóng Việt Bắc chính thức được thành lập ; Ủy ban lâm thời Khu giải phóng ra đời.

3. Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Trong tiểu mục này, có hai nội dung cần lưu ý :

a) Nhật đầu hàng Đồng minh, lệnh Tổng khởi nghĩa được ban bố

– GV phân tích để HS hiểu được : Nhật đầu hàng Đồng minh là một sự kiện quan trọng, vì khi được tin Nhật đầu hàng không điều kiện lực lượng Đồng minh, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc đã phát lệnh Tổng khởi nghĩa. Nhưng cần phân tích cho HS hiểu rõ thời cơ của Tổng khởi nghĩa. Nhật đầu hàng Đồng minh khiến cho quân Nhật ở Đông Dương án binh bất động, chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim như rấn mất đầu. Đó là một trong ba yếu tố tạo nên thời cơ : kẻ thù không thể thống trị như trước được nữa. Còn hai yếu tố sau : lực lượng trung gian ngả về phía cách mạng và quần chúng cách mạng mong muốn hành động thì đã sẵn sàng.

– GV cần lưu ý :

+ Ngày Nhật đầu hàng Đồng minh, trước đây có sách viết là ngày 13 – 8 – 1945 có sách viết là 14 – 8 – 1945. Trong SGK đính chính lại là ngày 15 – 8 – 1945.

+ Ngày triệu tập Hội nghị toàn quốc của Đảng, trước đây có sách viết là 13 – 8 – 1945. Trong SGK là từ ngày 14 đến ngày 15 – 8 – 1945.

b) Diễn biến cuộc Tổng khởi nghĩa

Về nội dung này, mỗi cuốn sách có cách thể hiện khác nhau để phù hợp với yêu cầu, khuôn khổ của sách. Trong SGK, Tổng khởi nghĩa tháng Tám được trình bày theo thứ tự thời gian.

Khi trình bày diễn biến Tổng khởi nghĩa, GV chỉ điếm qua một vài mốc ở một số địa phương ; nêu chi tiết hơn ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn vì thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở ba thành phố lớn này có ảnh hưởng lớn đến khởi nghĩa ở các địa phương trong cả nước.

Mục IV – Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập (2 – 9 – 1945)

Bản *Tuyên ngôn Độc lập*, do Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc trong cuộc mít tinh tại Quảng trường Ba Đình, là một văn kiện lịch sử quan trọng. Trong đó đề cập tới nhiều vấn đề.

Khi trình bày về mục này, GV hướng dẫn cho HS khai thác các nội dung sau :

– Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố với toàn thể quốc dân và thế giới : Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được thành lập.

– Cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam đánh Pháp, đuổi Nhật, lật đổ chế độ phong kiến, làm nên thắng lợi lịch sử Cách mạng tháng Tám (1945). Thực tế đó phù hợp với "lẽ phải" trên thế giới (*Tuyên ngôn Độc lập* năm 1776 của Mĩ, *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Cách mạng Pháp năm 1791), phù hợp với nguyên tắc dân tộc bình đẳng của quốc tế (Hội nghị Têhêran năm 1943 và Cựu Kim Sơn năm 1945). Vì vậy, nhân dân Việt Nam có quyền được hưởng tự do và độc lập.

– Quyết tâm của nhân dân Việt Nam là giữ vững quyền tự do độc lập của mình.

Mục V – Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

– Về nguyên nhân thắng lợi, GV nhấn mạnh nguyên nhân chủ quan.

– GV lưu ý cho HS : Trong hai ý nghĩa thì ý nghĩa đối với đất nước là quan trọng nhất – mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc : kỉ nguyên độc lập, tự do.

3. Sơ kết bài học

– Hệ thống các nội dung HS đã được học trong toàn bài.

– Câu hỏi cuối bài mang tính chất khái quát nhưng không khó như nội dung ở chương trình nâng cao, GV hướng dẫn HS chuẩn bị ở nhà.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

Câu 1. Việt Minh là một tổ chức rộng rãi, tập hợp đông đảo các tầng lớp, giai cấp, cá nhân tham gia vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Từ khi Nhật đảo chính Pháp, mọi hoạt động cách mạng đều diễn ra dưới ngọn cờ Việt Minh.

Câu 2. Trước hết, Đảng và Hồ Chí Minh đã soạn thảo đường lối đúng đắn trong Cách mạng tháng Tám, tiến hành xây dựng lực lượng, chớp thời cơ khởi nghĩa, sử dụng lực lượng và hình thức đấu tranh thích hợp. Vì vậy đã giành chính quyền nhanh chóng và ít đổ máu.

Câu 3. Tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương qua các cuốn lịch sử địa phương, qua các câu chuyện kể, sưu tầm hiện vật v.v..

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Danh sách các thành viên Ủy ban Giải phóng dân tộc Việt Nam

(do Đại hội đại biểu quốc dân bầu ngày 16 – 8 – 1945)

1. Hồ Chí Minh – Chủ tịch
2. Trần Huy Liệu – Phó Chủ tịch
3. Nguyễn Lương Bằng
4. Trường Chinh
5. Võ Nguyên Giáp
6. Phạm Văn Đồng
7. Dương Đức Hiền
8. Chu Văn Tấn
9. Nguyễn Văn Xuân
10. Cù Huy Cận
11. Nguyễn Đình Thi
12. Lê Văn Hiến
13. Nguyễn Chí Thanh
14. Phạm Ngọc Thạch
15. Nguyễn Hữu Đang.

2. Danh sách Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc

1. Trường Chinh
2. Võ Nguyên Giáp
3. Lê Thanh Nghị
4. Trần Đăng Ninh
5. Chu Văn Tấn.

3. Lịch sử hình thành Quốc kì và Quốc ca

"– Về Quốc kì : Khi Xứ uỷ Nam Kỳ họp để quyết định khởi nghĩa, Hội nghị có bàn đến việc quần chúng cách mạng sẽ dùng cờ gì trong lúc khởi nghĩa. Cờ đỏ búa liềm hay cờ đỏ ? Hội nghị nhận thấy cả hai loại cờ này đều không phù hợp

với tình hình cách mạng lúc ấy. Võ Văn Tần, Bí thư Xứ uỷ báo cáo với Hội nghị : "Năm 1931, khi bị giam giữ ở Khám Lớn Sài Gòn, đồng chí Tổng Bí thư Trần Phú đã tổ chức nhiều lớp huấn luyện cách mạng cho các đồng chí trong tù. Một lần, nói về triển vọng, tiền đề của cách mạng, đồng chí Trần Phú giải thích : Sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp sẽ thành lập nước Việt Nam Cộng hoà Dân chủ. Quốc kì có thể lấy cờ đỏ sao vàng năm cánh".

Hội nghị Xứ uỷ Nam Kỳ đã quyết định thực hiện lời di huấn của Tổng Bí thư đầu tiên của Đảng là lấy cờ đỏ sao vàng năm cánh làm cờ khởi nghĩa. Và ngọn cờ đỏ sao vàng đã xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ tháng 11 - 1940.

Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5 - 1941), Đảng Cộng sản Đông Dương đã quyết định thành lập Mặt trận Việt Minh. Trong Chương trình Việt Minh do Hội nghị thông qua, có ghi rõ : "Sau khi đánh đuổi đế quốc Pháp - Nhật sẽ thành lập một chính phủ nhân dân của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, lấy lá cờ đỏ sao vàng năm cánh làm lá cờ toàn quốc".

- Về Quốc ca : Vào khoảng giữa năm 1944 theo yêu cầu của Vũ Quý, lúc đó là quyền Bí thư Thành uỷ Hà Nội, Văn Cao đã sáng tác bài *Tiến quân ca*.

Bài hát đã làm trong thời gian không biết bao nhiêu ngày, tại căn gác hẹp số 45 Nguyễn Thượng Hiền, bên một cái cửa sổ nhìn sang căn nhà hai tầng, mấy làn cây và một màn trời xám, ở đây thường vọng lên những tiếng xe bò chở xác người chết về phía Khâm Thiên...".

(Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia, Viện Sử học,
Cách mạng tháng Tám 1945 - Những sự kiện Lịch sử,
NXB Khoa học Xã hội, H., 2000, tr. 272 - 273)